

Số: 82/TB-UBND

Cao Ngạn, ngày 04 tháng 10 năm 2021

THÔNG BÁO

**Về việc công khai danh sách Hộ nghèo, Hộ cận nghèo, Hộ thoát nghèo, Hộ
thoát cận nghèo xã Cao Ngạn năm 2021**

Thực hiện Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 14/9/2021 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc triển khai thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống chung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn thành phố Thái Nguyên; Căn cứ kết quả phân loại hộ gia đình qua điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã Cao Ngạn năm 2021;

Căn cứ kết quả họp Ban quản lý giảm nghèo xã Cao Ngạn về việc phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo ngày 01/10/2021;

UBND xã Cao Ngạn thông báo niêm yết công khai Danh sách Hộ nghèo, Hộ cận nghèo, Hộ thoát nghèo, Hộ thoát cận nghèo trên địa bàn xã Cao Ngạn năm 2020 (Có danh sách cụ thể kèm theo).

Danh sách được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên và 15/15 xóm trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày 04 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 10 tháng 10 năm 2021.

Trong thời gian niêm yết công khai; tập thể, cá nhân có thắc mắc xin gửi ý kiến về trưởng xóm; các ông (bà) trưởng xóm sẽ có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến và gửi về Ban chỉ đạo giảm nghèo xã để giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Đảng uỷ-HĐND xã;
- 15/15 xóm;
- Lưu: VP, VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lưu Anh Tuấn

DANH SÁCH
CÔNG KHAI NÊM YẾT HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO
HỘ THOÁT NGHÈO, THOÁT CẬN TRÊN TOÀN XÃ NĂM 2021
(Gửi kèm thông báo số 82/TB-UBND ngày 04/10/2021 của UBND xã Cao Ngạn)

TT	Họ và tên	Giới tính		Địa chỉ	Tổng điểm		Phân loại chính thức	Ghi chú
		Nam	Nữ		B1	B2		
1	VI VĂN SƠN	1947		X. Ao Vàng	105	20	Hộ nghèo	
2	BẰNG THỊ XUÂN		1933	X. Ao Vàng	145	20	Cận nghèo	
3	PHÓ VĂN SINH	1955		X. Cầu Đá	115	30	Hộ nghèo	
4	ĐẶNG THỊ LÌU		1951	X. Cầu Đá	140	20	Cận nghèo	
5	LÝ THỊ MÀN		1952	X. Cầu Đá	145	10	Cận nghèo	
6	TRIỆU THỊ LOẠN		1946	X. Cầu Đá	145	20	Cận nghèo	
7	ĐỖ THANH TÙNG	1965		X. Cổ Rùa	120	30	Hộ nghèo	
8	NGUYỄN THỊ ĐÁNG		1970	X. Cổ Rùa	145	10	Cận nghèo	
9	NGUYỄN THỊ MINH		1958	X. Gò Chè	105	20	Hộ nghèo	
10	HOÀNG THỊ PHÚC		1941	X. Gò Chè	85	30	Hộ nghèo	
11	NGUYỄN THỊ NHỊ		1939	X. Gò Chè	105	20	Hộ nghèo	
12	NGUYỄN THỊ TUYÊN		1981	X. Gò Chè	95	30	Hộ nghèo	
13	NGUYỄN THỊ LỰ		1946	X. Gò Chè	105	20	Hộ nghèo	
14	LÊ VĂN HUÂN	1971		X. Góc Vối 1	135	30	Hộ nghèo	
15	ĐOÀN THỊ HOA		1966	X. Góc Vối 1	150	20	Cận nghèo	
16	ĐOÀN VĂN THÁI	1956		X. Góc Vối 1	145	20	Cận nghèo	
17	PHẠM THỊ HẰNG		1957	X. Góc Vối 2	65	20	Hộ nghèo	
18	NGUYỄN QUANG TUYÊN	1977		X. Góc Vối 2	150	30	Hộ nghèo	
19	NGUYỄN THỊ BÉ		1957	X. Hội Hiếu	85	10	Hộ nghèo	
20	NGUYỄN THANH TÙNG	1977		X. Hội Hiếu	135	10	Cận nghèo	
21	PHÍ THỊ MY		1963	X. Hội Hiếu	125	20	Cận nghèo	
22	LÊ THỊ LỘC		1947	X. Hội Hiếu	125	20	Cận nghèo	
23	LƯƠNG THỊ HOA		1959	X. Hợp Thành	115	10	Hộ nghèo	
24	TRẦN ĐỨC HUY	1956		X. Hợp Thành	80	20	Hộ nghèo	
25	NGUYỄN THỊ MAI		1952	X. Hợp Thành	105	10	Hộ nghèo	
26	NGUYỄN SƠN HẢI	1973		X. Hợp Thành	85	40	Hộ nghèo	



27	BÙI THỊ TRỌNG		1953	X. Hợp Thành	120	40	Hộ nghèo	
28	VI VĂN PHƯƠNG	1942		X. Hợp Thành	55	20	Hộ nghèo	
29	TỔNG QUỐC THIÊN	1956		X. Phúc Lộc	130	30	Hộ nghèo	
30	TÔ THỊ LỆ		1983	X. Phúc Lộc	135	10	Cận nghèo	
31	VI THỊ HÀN		1948	X. Tân Phong	90	30	Hộ nghèo	
32	NGUYỄN THỊ THU		1940	X. Tân Phong	80	20	Hộ nghèo	
33	PHẠM THỊ HIỀN		1965	X. Tân Phong	90	20	Hộ nghèo	
34	PHẠM THỊ BÌNH		1952	X. Tân Phong	135	20	Cận nghèo	
35	LÊ THỊ SÁU		1972	X. Thác Lở	150	10	Cận nghèo	
36	LƯƠNG THỊ XUÂN		1975	X. Thác Lở	135	10	Cận nghèo	
37	TRƯƠNG THỊ SEN		1949	X. Thác Lở	135	10	Nghèo lên Cận	
38	DƯƠNG THANH TÙNG	1989		X. Vải	110	20	Hộ nghèo	
39	LƯƠNG THỊ ĐÌA		1952	X. Vải	75	20	Hộ nghèo	
40	TRƯƠNG THỊ THANH		1952	Xóm Cầu Đá	190	10	Thoát cận	
41	NGUYỄN THỊ QUY		1942	X. Cổ Rùa	185	10	Thoát cận	
42	PHẠM THỊ HỄ		1953	X. Cổ Rùa	200	10	Thoát cận	
43	HOÀNG THỊ XUÂN		1941	X. Cổ Rùa	180	10	Thoát cận	
44	NGUYỄN THỊ HOA		1975	X. Hợp Thành	210	0	Thoát nghèo	
45	GIÁP VĂN QUÂN	1975		X. Hợp Thành	175	10	Thoát cận	
46	NGUYỄN THỊ TÝ		1923	X. Hợp Thành	190	0	Thoát cận	
47	VƯƠNG THỊ MẾN		1976	X. Thác Lở	165	10	Thoát cận	

Tổng cộng Hộ nghèo đầu năm: 26; Hộ cận nghèo: 21 hộ

Qua rà soát 15/15 xóm: 47 hộ kết quả:

- 1. Hộ nghèo giảm: 02 hộ(trong đó 01 hộ thoát lên cận; 01 hộ thoát hẳn), phát sinh 0 hộ**
- 2. Hộ cận nghèo giảm 7 hộ phát sinh 01 hộ**
- 3. Có 47 hộ trong diện rà soát**

Tổng số hộ nghèo sau rà soát: 24 hộ; Hộ cận nghèo 15 hộ